



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế  
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007  
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010  
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011  
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011  
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014  
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015  
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016  
6525867086 (điều chỉnh lần 8) ngày 28 tháng 12 năm 2016

Giấy phép Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600245631 ngày 21 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Toru Yamasaki	Chủ tịch
Hajime Kobayashi	Thành viên
Hirotsugu Otani	Thành viên
Nguyen Thi Kim Lien	Thành viên
Takayuki Morisawa	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc
Yoshihisa Fujiwara	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
Takayuki Morisawa	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ
Taiichiro Iizumi	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng (đến ngày 1 tháng 10 năm 2016)
Yutaka Ogami	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch

**Trụ sở đăng ký** Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước  
Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn; và
- (c) báo cáo tài chính hợp nhất đã bao gồm tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Toru Yamasaki  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-298(d)



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Auvarin Phor

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2252-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND'000</b>	<b>1/1/2016 VND'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>398.975.271</b>	<b>383.161.036</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>238.583.737</b>	<b>172.435.846</b>
Tiền	111		238.583.737	172.435.846
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.100.798</b>	<b>26.263.656</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	25.744.256	22.218.569
Trả trước cho người bán	132		6.263.840	5.543.647
Phải thu ngắn hạn khác	136		984.398	797.532
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(2.891.696)	(2.296.092)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>128.837.468</b>	<b>183.485.382</b>
Hàng tồn kho	141		130.128.682	185.404.269
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.291.214)	(1.918.887)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.453.268</b>	<b>976.152</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.379.357	902.241
Thuế phải thu Nhà nước	153		73.911	73.911

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

1/3/11

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND'000</b>	<b>1/1/2016 VND'000</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>238.611.302</b>	<b>291.472.732</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.575.362</b>	<b>1.575.362</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.575.362	1.575.362
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>206.527.613</b>	<b>255.929.850</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	197.992.655	246.168.681
Nguyên giá	222		551.661.912	609.272.533
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.669.257)	(363.103.852)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	195.293	-
Nguyên giá	225		198.603	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.310)	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.339.665	9.761.169
Nguyên giá	228		13.042.688	12.913.118
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.703.023)	(3.151.949)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>624.341</b>	<b>189.670</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	624.341	189.670
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.883.986</b>	<b>33.777.850</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	29.883.986	33.777.850
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>637.586.573</b>	<b>674.633.768</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*







**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>1.437.843.891</b>	<b>1.318.402.242</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>107.329.767</b>	<b>38.218.537</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>1.330.514.124</b>	<b>1.280.183.705</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>917.451.772</b>	<b>941.763.989</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>413.062.352</b>	<b>338.419.716</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	29.775.560	17.537.953
Chi phí tài chính	22	27	36.330.220	43.683.496
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.357.813	5.933.545
Chi phí bán hàng	25	28	294.617.177	360.120.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	42.506.175	41.476.966
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>69.384.340</b>	<b>(89.323.207)</b>
Thu nhập khác	31	30	1.123.541	6.556.299
Chi phí khác	32	31	26.839.330	10.321.381
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(25.715.789)</b>	<b>(3.765.082)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>43.668.551</b>	<b>(93.088.289)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>1.061.659</b>	<b>2.727.671</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(832.367)</b>	<b>391.621</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>43.439.259</b>	<b>(96.207.581)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b> <b>(mang sang từ trang trước )</b>	<b>60</b>		<b>43.439.259</b>	<b>(96.207.581)</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty	61		43.425.331	(96.687.115)
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát	62		13.928	479.534
<b>Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu</b>				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	70	34	498	(1.352)

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND'000	2015 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>43.668.551</b>	<b>(93.088.289)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		32.058.737	38.381.229
Các khoản dự phòng	03		1.499.287	11.618.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.542.562	14.750.685
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		18.595.539	(976.747)
Chi phí lãi vay	06		5.357.813	5.933.545
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>106.722.489</b>	<b>(23.381.324)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(4.410.054)	13.836.193
Biến động hàng tồn kho	10		55.275.587	(13.295.688)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(191.752)	4.458.796
Biến động chi phí trả trước	12		3.416.748	1.433.279
			<b>160.813.018</b>	<b>(16.948.744)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.913.256)	(5.922.380)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		-	(2.727.671)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>153.899.762</b>	<b>(25.598.795)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.016.548)	(4.662.888)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.577.273	645.455
Tiền thu lãi tiền gửi	27		951.168	386.635
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.488.107)</b>	<b>(3.630.798)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	160.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		240.570.000	77.250.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(326.830.000)	(149.930.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.764)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(86.263.764)</b>	<b>87.320.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>66.147.891</b>	<b>58.090.407</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>172.435.846</b>	<b>114.345.439</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>238.583.737</b>	<b>172.435.846</b>

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki  
 Chủ tịch Kiểm Toán Giám đốc

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty nắm giữ 90,4% lợi ích vốn trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con, Avafood (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Avafood là cung cấp dịch vụ chế biến và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước giải khát, nước tinh khiết; bánh, mứt và kẹo, thức ăn nhẹ; các loại sản phẩm nông sản, thủy sản và chăn nuôi; cho thuê nhà xưởng, văn phòng; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 1.278 nhân viên (1/1/2016: 1.422 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 23.014 triệu VND (1/1/2016: không). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn tạo đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tài chính nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản chi phí hoạt động và việc cổ đông lớn cấp cao và cổ đông lớn tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Tập đoàn có hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng là 25,5 triệu USD được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hoạt động và không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông lớn cấp cao và cổ đông lớn này sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

**(ii) Chi phí nâng cấp**

Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(iv) Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê**

Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ hợp nhất kinh doanh**

Phần chênh lệch giữa khoản thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của bên được mua trong hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung, được ghi nhận là quỹ hợp nhất kinh doanh trong quỹ khác của chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu vì Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh thực phẩm và nước giải khát, và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền mặt	128.490	161.043
Tiền gửi ngân hàng	238.455.247	172.274.803
	238.583.737	172.435.846

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.271.980	5.042.063
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.616.366	4.075.204
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	4.046.686	1.966.796
Các khách hàng khác	14.809.224	11.134.506
	25.744.256	22.218.569

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Ngắn hạn	25.744.256	22.218.569

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	146.300	-	790.291	-
Nguyên vật liệu	47.372.082	(668.185)	39.684.219	-
Công cụ và dụng cụ	7.566.599	(296.819)	9.712.514	-
Sản phẩm dở dang	3.602.740	-	4.646.405	-
Thành phẩm	71.440.961	(326.210)	130.570.840	(1.918.887)
	<b>130.128.682</b>	<b>(1.291.214)</b>	<b>185.404.269</b>	<b>(1.918.887)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2016 VND'000	2015 VND'000
Số dư đầu năm	1.918.887	3.435.021
Tăng dự phòng trong năm	1.291.214	9.241.017
Hoàn nhập	(1.918.887)	(10.757.151)
Số dư cuối năm	<b>1.291.214</b>	<b>1.918.887</b>



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	117.128.132	478.364.593	7.975.146	5.804.662	609.272.533
Tăng trong năm	-	1.850.557	110.000	1.313.554	3.274.111
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	554.955	623.241	-	-	1.178.196
Thanh lý	-	(62.062.928)	-	-	(62.062.928)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.683.087</b>	<b>418.775.463</b>	<b>8.085.146</b>	<b>7.118.216</b>	<b>551.661.912</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	32.022.544	321.006.195	5.926.408	4.148.705	363.103.852
Khấu hao trong năm	3.954.866	25.202.892	638.855	707.740	30.504.353
Thanh lý	-	(39.938.948)	-	-	(39.938.948)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.977.410</b>	<b>306.270.139</b>	<b>6.565.263</b>	<b>4.856.445</b>	<b>353.669.257</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	85.105.588	157.358.398	2.048.738	1.655.957	246.168.681
Số dư cuối năm	81.705.677	112.505.324	1.519.883	2.261.771	197.992.655

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 56.474 triệu VND (1/1/2016: 61.681 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.363 triệu VND (1/1/2016: 33.602 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	198.603
	<hr/>
Số dư cuối năm	198.603
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	3.310
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.310
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	195.293
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	12.913.118
Tăng trong năm	129.570
	13.042.688
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.042.688</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	3.151.949
Khấu hao trong năm	1.551.074
	4.703.023
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.703.023</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	9.761.169
Số dư cuối năm	8.339.665
	8.339.665

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
Số dư đầu năm	189.670	1.990.465
Tăng trong năm	1.612.867	2.823.245
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.178.196)	(2.526.115)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.097.925)
	624.341	189.670
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>624.341</b>	<b>189.670</b>
	624.341	189.670

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND'000</b>	<b>Chi phí nâng cấp VND'000</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	<b>Chi phí bảo hiểm VND'000</b>	<b>Chi phí thuê VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
Số dư đầu năm	26.269.010	4.691.077	2.495.778	280.150	41.835	33.777.850
Tăng trong năm	-	409.835	574.800	-	-	984.635
Phân bổ trong năm	(694.998)	(2.423.976)	(1.495.533)	(231.505)	(32.487)	(4.878.499)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.574.012</b>	<b>2.676.936</b>	<b>1.575.045</b>	<b>48.645</b>	<b>9.348</b>	<b>29.883.986</b>

**13. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc VND'000</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND'000</b>	<b>Giá gốc VND'000</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND'000</b>
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	16.611.852	16.611.852	4.272.267	4.272.267
Công Ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai	14.348.481	14.348.481	23.567.042	23.567.042
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	8.917.371	8.917.371	3.388.779	3.388.779
Công ty TNHH Việt Nam Chuanli Can Manufacturing	8.192.210	8.192.210	3.914.483	3.914.483
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hoa Lâm	4.664.580	4.664.580	7.034.398	7.034.398
Các nhà cung cấp khác	22.657.725	22.657.725	31.414.180	31.414.180
	<b>75.392.219</b>	<b>75.392.219</b>	<b>73.591.149</b>	<b>73.591.149</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	75.392.219	75.392.219	73.591.149	73.591.149

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	16.611.852	16.611.852	4.272.267	4.272.267

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND'000	Số phải nộp trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Số đã cần trừ trong năm VND'000	31/12/2016 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	10.221.365	136.662.715	(53.062.561)	(85.971.417)	7.850.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.061.659	-	-	1.061.659
Thuế thu nhập cá nhân	219.468	4.874.285	(4.503.514)	-	590.239
Các loại thuế khác	3.649	1.695.944	(1.691.529)	-	8.064
	10.444.482	144.294.603	(59.257.604)	(85.971.417)	9.510.064

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chiết khấu thương mại và hoa hồng bán hàng	18.603.236	21.522.323
Chi phí khuyến mãi	33.288.771	25.292.954
Chi phí vận chuyển	4.571.700	6.000.705
Phí đặc phái nhân viên (*)	4.219.204	5.470.153
Chi phí lãi vay	624.294	2.179.737
Chi phí khác	14.363.745	16.045.913
	75.670.950	76.511.785

(\*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Tập đoàn với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	459.041	852.501
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả khác	153.132	396.941
	1.117.564	1.754.833

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vay và nợ**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Hoàn trả VND'000	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND'000	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	180.320.000	180.320.000	240.570.000	(180.320.000)	5.508.000	246.078.000	246.078.000
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	-	146.510.000	(146.510.000)	-	-	-
	180.320.000	180.320.000	387.080.000	(326.830.000)	5.508.000	246.078.000	246.078.000



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Khoản vay 1 từ Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd	USD	Libor cộng 0,8%	246.078.000	-
Khoản vay 1 từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	Libor cộng 0,8%	-	135.240.000
Khoản vay 2 từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	Libor cộng 0,8%	-	45.080.000
			246.078.000	180.320.000

Lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,336% đến 2,062% trong năm (2015: 1,036% đến 1,536% một năm).

**(b) Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Vay dài hạn (i)	-	146.510.000
Nợ thuê tài chính (ii)	194.839	-
	194.839	146.510.000

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Khoản vay không được đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	1,896%	2017	-	146.510.000

Trong năm, Tập đoàn đã thanh toán khoản vay dài hạn này trước ngày đáo hạn.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Nợ thuê tài chính**

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ thuê tài chính như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Nợ từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	VND	21,6%	2021	194.839	-

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND'000	Tiền lãi thuê VND'000	Nợ gốc VND'000
Trong vòng một năm	69.246	43.610	25.636
Trong vòng hai đến năm năm	258.351	89.148	169.203
	<b>327.597</b>	<b>132.758</b>	<b>194.839</b>

**18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận liên quan đến các chênh lệch tạm thời phát sinh từ việc khấu hao tài sản cố định.

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	79.198.608	15.839.722	79.427.763	15.885.553
Lỗi tính thuế	68.007.014	13.601.403	118.282.854	23.728.737
	<b>147.205.622</b>	<b>29.441.125</b>	<b>197.710.617</b>	<b>39.614.290</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ VND'000</b>
2020	Chưa quyết toán	68.007.014

Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

## **19. Dự phòng phải trả**

Biến động trong năm của dự phòng phải trả như sau:

	<b>Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000</b>
Số dư đầu năm	2.543.911
Dự phòng lập trong năm	1.677.080
Dự phòng sử dụng trong năm	(529.179)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(145.724)
Số dư cuối năm	<u>3.546.088</u>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND'000</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND'000</b>	<b>Quỹ khác của chủ sở hữu VND'000</b>	<b>Lỗ lũy kế VND'000</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	711.409.840	85.035.704	57.498.796	(756.134.004)	3.476.108	101.286.444
Vốn cổ phần đã phát hành (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	160.000.000 -	- -	- -	- (96.687.115)	- 479.534	160.000.000 (96.207.581)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	871.409.840	85.035.704	57.498.796	(852.821.119)	3.955.642	165.078.863
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.425.331	13.928	43.439.259
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	871.409.840	85.035.704	57.498.796	(809.395.788)	3.969.570	208.518.122

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>và 1/1/2016</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND'000</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2015, Kirin Holdings Company, Limited đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần với Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd (“Kirin Singapore”), một bên liên quan, để chuyển toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty cho Kirin Singapore. Việc chuyển nhượng vốn cổ phần này đã hoàn tất trong năm.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

## 22. Quỹ khác của chủ sở hữu

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Quỹ hợp nhất kinh doanh (i)	(32.535.252)	(32.535.252)
Quỹ khác (ii)	90.034.048	90.034.048
	57.498.796	57.498.796

(i) Trong năm 2007, Công ty đã mua lại 90,4% vốn cổ phần của Avafood trong một giao dịch hợp nhất kinh doanh có liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung. Khoản này phản ánh chênh lệch giữa tổng thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của Avafood được phân bổ cho Tập đoàn tại ngày mua.

(ii) Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được trình bày trong quỹ khác của chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng một năm	6.840.524	7.005.674
Trong vòng hai đến năm năm	3.496.054	10.056.987
	10.336.578	17.062.661

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND'000</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND'000</b>
USD	80.113	1.818.982	1.120.316	25.151.090
EUR	328	7.834	339	8.291
		1.826.816		25.159.381

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	1.256.870.444	1.151.774.724
▪ Doanh thu từ bánh	541.741	10.625.268
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	179.389.902	153.875.639
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	1.041.804	2.126.611
	1.437.843.891	1.318.402.242
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Giảm giá hàng bán	106.985.890	37.370.580
▪ Hàng bán bị trả lại	343.877	847.957
	107.329.767	38.218.537
<b>Doanh thu thuần</b>	1.330.514.124	1.280.183.705

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Tổng giá vốn hàng bán</b>		
▪ Giá vốn của nước giải khát	836.829.134	845.289.291
▪ Giá vốn của bánh	1.578.039	14.775.791
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	79.044.599	81.698.907
	917.451.772	941.763.989
	917.451.772	941.763.989



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	951.168	386.635
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.824.392	17.151.318
	<hr/>	<hr/>
	29.775.560	17.537.953
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Chi phí lãi vay	5.357.813	5.933.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.972.407	37.749.951
	<hr/>	<hr/>
	36.330.220	43.683.496
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	146.587.246	163.973.427
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	51.207.622	87.223.620
Chi phí vận chuyển	71.957.377	86.301.552
Chi phí thuê	8.129.459	7.607.197
Chi phí khác	16.735.473	15.014.618
	<hr/>	<hr/>
	294.617.177	360.120.414
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	15.998.574	15.389.946
Chi phí tư vấn	5.121.901	5.765.826
Chi phí thuê	3.085.981	2.791.031
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.620.541	2.517.059
Chi phí dự phòng	595.603	2.341.472
Chi phí khác	15.083.575	12.671.632
	<b>42.506.175</b>	<b>41.476.966</b>

**30. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	590.112
Thu nhập khác	1.123.541	5.966.187
	<b>1.123.541</b>	<b>6.556.299</b>

**31. Chi phí khác**

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	19.546.707	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	6.144.681	5.329.383
Phạt thuế	278.825	3.495.646
Chi phí khác	869.117	1.496.352
	<b>26.839.330</b>	<b>10.321.381</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	569.743.574	659.990.981
Chi phí nhân công và nhân viên	203.833.475	235.841.385
Chi phí khấu hao	32.058.737	38.381.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.045.788	530.362.350
Chi phí khác	28.101.622	30.351.869
	<b>1.327.783.206</b>	<b>1.505.928.814</b>

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.061.659	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.727.671
	<b>1.061.659</b>	<b>2.727.671</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(832.367)	391.621
	<b>229.292</b>	<b>3.119.292</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	43.668.551	(93.088.289)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.733.710	(20.479.423)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.668.747	3.808.243
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(45.831)	18.348.514
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây được sử dụng	(10.127.334)	(1.285.713)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.727.671
	<b>229.292</b>	<b>3.119.292</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn thành việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**(ii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Avafood có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bánh, mứt, bánh kẹo các loại, các loại sản phẩm nông sản, thủy sản, gia súc cho 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Avafood được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Avafood không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Avafood có doanh thu thì thời gian miễn giảm thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho lợi nhuận hàng năm từ dịch vụ gia công, hoạt động cho thuê nhà văn phòng và nhà xưởng được tính theo thuế suất của các quy định hiện hành (2016: 20% và 2015: 22%).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**34. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lãi thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, được tính như sau:

**(a) Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	43.425.331	(96.687.115)

**(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	87.140.984	71.140.984
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	-	350.685
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	87.140.984	71.491.669

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND'000	2015 VND'000
<b>Công ty mẹ cấp cao</b>		
<b>Kirin Holding Company, Limited</b>		
Vay ngắn hạn nhận được	-	77.250.000
Chi phí lãi vay	4.556.838	5.933.545
Phí đặc phái nhân viên	9.592.410	10.693.893
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd</b>		
Vay ngắn hạn nhận được	240.570.000	-
Chi phí lãi vay	800.975	-
Vốn cổ phần đã phát hành	-	160.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam</b>		
Phí gia công	165.913.334	160.073.961
Mua dịch vụ	3.307.710	2.021.010
Bán hàng	39.291	9.652
<b>Ban Giám đốc</b>		
Phí đặc phái nhân viên	5.642.680	5.709.669
Tiền lương	1.818.000	1.848.300

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



